SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ; 15/03/2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 05/2023/QĐ-UBND	*Quảng Trị, ngày 15 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 26/2009/TT-BNN ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 49/TTr-SNN ngày 28 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 3 năm 2023

Điều 3. Trưởng ban Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT (báo cáo);
- UBQG UPSC TT và TKCN (báo cáo);
- Các Bộ: NN và PTNT, Tài chính (báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Vụ Pháp chế - Bộ NN và PTNT (báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ;
- VP BCH PCTT và TKCN tỉnh;
- Trưởng ban kiểm soát Quỹ;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Quyết định số 05 /2023/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết nội dung chi, mức chi, phân bổ của Quỹ phòng, chống thiên tai (sau đây viết tắt là Quỹ) cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và phân công trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa

1. Hỗ trợ thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình truyền hình; Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm báo chí trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"; các văn bản khác có liên quan và khả năng cân đối của Quỹ.

2. Hỗ trợ lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai:

a) Hỗ trợ lập kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không quá 30.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn; không quá 150.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố; không quá 300.000.000 đồng đối với cấp tỉnh, trong khả năng cân đối của Quỹ.

b) Hỗ trợ rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai hàng năm: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không quá 6.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn; không quá 30.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố; không quá 60.000.000 đồng đối với cấp tỉnh, trong khả năng cân đối của Quỹ.

3. Hỗ trợ lập, rà soát phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai:

a) Hỗ trợ lập phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai giai đoạn: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không quá 20.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn; không quá 100.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố; không quá 200.000.000 đồng đối với cấp tỉnh, trong khả năng cân đối của Quỹ.

b) Hỗ trợ rà soát phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không quá 4.000.000 đồng/01 xã, phường, thị trấn; không quá 20.000.000 đồng/01 huyện, thị xã, thành phố; không quá 40.000.000 đồng đối với cấp tỉnh, trong khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm: Đối với hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức chi 30.000.000 đồng/hộ, trong khả năng cân đối của Quỹ.

5. Hỗ trợ phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014; Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Trị"; Nghị quyết số 14/2017/NQ-HĐND ngày 29/7/2017 của HDND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; các văn bản khác có liên quan và khả năng cân đối của Quỹ.

6. Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không quá 500.000.000 đồng/đợt đối với cấp tỉnh; không quá 200.000.000 đồng/đợt đối với cấp huyện; không quá 100.000.000 đồng/đợt đối với cấp xã, trong khả năng cân đối của Quỹ.

7. Hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng cân đối của Quỹ.

8. Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Mục 7 Chương II Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, các văn bản khác có liên quan trong khả năng cân đối của Quỹ.

9. Hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động lực lượng quản lý đê nhân dân: Nhân viên quản lý đê nhân dân được hưởng chế độ thù lao hàng tháng theo hệ số bằng 0,8 mức lương cơ sở. Nhân viên quản lý đê nhân dân được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê và hộ đê với mức hỗ trợ tập huấn được thực hiện theo quy định tại khoản 5 của Điều này; được trang bị bảo hộ lao động khi làm nhiệm vụ và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

10. Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng cân đối của Quỹ.

11. Hỗ trợ mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán hàng năm được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong khả năng cân đối của Quỹ.

Điều 4. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai

1. Hỗ trợ sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; hỗ trợ chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân tại các nơi sơ tán tập trung: Mức chi 50.000 đồng/người/ngày, căn cứ theo số ngày thực tế được sơ tán và danh sách sơ tán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai:

a) Đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Mức chi bằng 0,1 lần mức lương cơ sở/người/ngày, nếu thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ đêm ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau thì được tính gấp đôi.

b) Đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn và khoản 2 Điều 33 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

3. Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai các cấp: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

Điều 5. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai

1. Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày/đợt thiên tai, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Cứu trợ khẩn cấp về phương tiện học tập: Mức chi 200.000 đồng/học sinh, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ cho hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai: Mức chi 18.000.000 đồng/người, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Hỗ trợ cho hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai: Mức chi 3.600.000 đồng/người/đợt thiên tai, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai khi không có người nhận trách nhiệm mai táng: Mức chi 18.000.000 đồng/người, căn cứ vào danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

a) Hỗ trợ tu sửa nhà ở:

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở: Mức chi 40.000.000 đồng/hộ, trong khả năng cân đối của Quỹ.

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà: Mức chi 20.000.000 đồng/hộ, trong khả năng cân đối của Quỹ.

b) Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không quá 50.000.000 đồng/công trình tu sửa, trong khả năng cân đối của Quỹ.

c) Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không quá 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng/01 đợt thiên tai, trong khả năng cân đối của Quỹ.

3. Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 25/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, các văn bản khác có liên quan, trong khả năng cân đối của Quỹ.

4. Hỗ trợ tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong khả năng cân đối của Quỹ.

5. Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong khả năng cân đối của Quỹ.

6. Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức chi căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không quá 03 tỷ đồng trên tổng mức đầu tư 01 công trình, trong khả năng cân đối của Quỹ.

Điều 6. Phân bổ Quỹ

1. UBND cấp xã (xã, phường, thị trấn) được giữ lại 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu là 5%; chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3% và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã là 20%. Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản Quỹ ở cấp huyện do UBND tỉnh ủy quyền.

Đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo và các xã khu vực III, UBND tỉnh quyết định phân bổ tối thiểu cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng số tiền của xã được phân bổ thấp nhất trên địa bàn tỉnh.

2. UBND cấp huyện (huyện, thị xã, thành phố) được giữ lại 23% số thu trên địa bàn (bao gồm cả số thu của cấp xã nộp về) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện là 20% và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ là 3%. Số tiền còn lại (77% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản của Quỹ tỉnh.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ là 3% tổng số thu thực tế của Quỹ tỉnh (bao gồm cả phần UBND cấp huyện nộp về), dùng để chi các nội dung sau:

a) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan quản lý Quỹ: Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Chi hành chính phát sinh của Quỹ: Nội dung chi và mức chi hành chính thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Sau khi báo cáo quyết toán kinh phí được phê duyệt, UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chỉ hỗ trợ cho UBND cấp huyện khi UBND cấp huyện đã sử dụng hết nguồn kinh phí cho công tác phòng, chống thiên tai và phần đã giữ lại tại địa phương mình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh

Trách nhiệm của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai theo Quy định này.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng chỉ đạo Cơ quan quản lý Quỹ, các địa phương thực hiện công tác quản lý và sử dụng Quỹ theo đúng quy định.

Điều 9. Sở Tài chính

Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán Quỹ cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

Điều 10. Cơ quan quản lý Quỹ

1. Báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ hàng năm với Hội đồng quản lý Quỹ vào Quý I năm sau.

2. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện gửi số liệu làm cơ sở tổng hợp kết quả thực hiện, lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh trong quý I hàng năm.

3. Báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Cơ quan quản lý Quỹ trung ương trước ngày 25 hàng tháng.

4. Lập dự toán chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ trình UBND tỉnh phê duyệt.

5. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng Quỹ tại các cơ quan, đơn vị và địa phương theo đúng quy định.

6. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

1. Căn cứ phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

2. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực.

3. Công khai danh sách thu, nộp quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

Điều 12. UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Tổ chức thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra; nhu cầu hỗ trợ và kết quả thực hiện hỗ trợ. Báo cáo gửi về Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo Quy định này.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của Nhà nước: Danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn.

4. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

Điều 13. UBND các xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện đúng các nội dung của Quy định này và các hoạt động phòng, chống thiên tai khác có liên quan.

2. Thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khôi phục sản xuất theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT và báo cáo kịp thời về UBND các quận, huyện.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khi được UBND huyện, thị xã, thành phố giao.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; thực hiện công khai: Danh sách người được hỗ trợ; mức hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai trước và sau khi có quyết định hỗ trợ của cấp có thẩm quyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn.

5. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trường hợp trong cùng một thời gian nhưng có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì các tổ chức, cá nhân chỉ được lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ cao nhất.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh các nội dung ngoài Quy định này, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Cơ quan quản lý Quỹ) để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp tình hình thực tế./.